TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/HS-ST
Ngày: 24-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:	bà Ngô Thị Luân; bà Pang Ting Suyl.

- Thư ký phiên toà: ông Lê Văn Cương – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên toà: ông Nguyễn Văn Lịch - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 127/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST–HS ngày 10 tháng 11 năm 2023, đối với:

- Các bị cáo:

+ **Vũ Văn K**, sinh năm: 1983; tại: Lâm Đồng; nơi ĐKTT: thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn N, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; có vợ Đặng Thị Thanh T1, sinh năm 1988 (đã ly hôn năm 2016) và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/11/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 28/06/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 25/05/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị bắt, tạm giam từ ngày 26/6/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

+ **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1977; tại: Hà Nội; nơi ĐKTT: thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà Lương Thị D (đã chết); có vợ: Lưu Thị B, sinh năm 1982 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 30/11/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xử

phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị bắt, tạm giam tại từ ngày 26/6/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

+ **Phan Văn Đ**, sinh năm: 1973; tại: Sóc Trăng; nơi cư trú: Khu C, Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim H (đã chết); có vợ: Lê Thị D1, sinh năm 1975 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; bị bắt, tạm giam từ ngày 26/6/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

+ **Lầu Sỳ T3**, sinh năm: 1994; tại: Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu A S (đã chết) và bà Phạm Hóng L, sinh năm 1969; có vợ Văn Ngọc H1, sinh năm 1996 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 30/6/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã theo Quyết định 116/QĐ-UBND với thời hạn 03 tháng kể từ ngày 30/6/2017 đến 30/9/2017; ngày 11/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng theo Quyết định số 30/2017QĐ-TA ngày 11/12/2019; bị bắt, tạm giam từ ngày 26/6/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Anh Vũ Mạnh C1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: số A, thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Trịnh Thị L1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 13/6/2023, Vũ Văn K cùng với Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng (K không nhớ biển kiểm soát) đi từ thôn P, xã L, huyện L đến thị trấn Đ, huyện L để tìm chỗ mua ma túy về để sử dụng nhưng không mua được. Sau đó, C chở K về xã L, huyện L. Khi đi đến gần Ban chỉ huy quân sự huyện L thuộc thôn T, xã T, huyện L thì K và C nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 49D1-683.89, màu trắng để tại sân nhà ông Đặng Hữu V, sinh năm: 1983, nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện L, trên xe có sẵn chìa khóa xe. Lúc này, K nói với C lấy trộm xe mô tô trên mang đi bán thì C đồng ý. Chiền dừng xe lại đứng bên ngoài cảnh giới còn K đi đến cổng nhà ông V. Tại đây, K quan sát xung quanh không thấy ai nên

đi vào bên trong sân đến vị trí chiếc xe mô tô rồi quay đầu xe, mở khóa xe nổ máy rồi cùng C2 đi theo hướng vào xã L, huyện L. Cả hai điều khiển xe đến nhà em của C tên Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1992 (đã chết) ở thôn P, xã L, huyện L chơi và để xe mô tô tại đây. Khoảng 4 - 5 ngày sau vì sợ bị phát hiện nên K cùng C bàn bạc với nhau mang chiếc xe mô tô đã lấy trộm được xuống nhà của C tại Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến nhà C, để tránh bị phát hiện khi cất giấu chiếc xe tại đây nên K cùng C2 đã tháo biển số chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, mang biển số 49D1-683.89 ra. Đến ngày 19/6/2023, K cùng C đi xe mô tô Honda Wave, màu xanh của C đến nhà N1 tại thôn P, xã L, huyện L chơi.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 22/6/2023, K cùng C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh của C từ thôn P, xã L, huyện L đến thị trấn Đ, huyện L để tìm mua ma túy sử dụng nhưng không mua được nên C tiếp tục điều khiển xe mô tô trên chở K đi theo hướng xã T đến xã P, huyện L. Khi đi đến thôn T, xã T, huyện L thì C phát hiện có 01 xe mô tô hiệu Honda Furture, màu xanh đen, mang biển số 49D1-504.10 đang để gần lề đường và chưa rút chìa khóa. C nói với K "*có chiếc xe máy chưa rút chìa khóa tao với mày quay lại lấy*", thì K đồng ý. Chiền dừng xe lại cách vị trí chiếc xe trên khoảng 20m thì K nói C đứng ngoài cảnh giới còn K vào lấy xe. Sau khi quan sát xung quanh không thấy có ai trông coi thì K đi đến vị trí chiếc xe mở khóa, nổ máy rồi điều khiển chiếc xe đi theo hướng về xã L, huyện L. Sau đó, K và C chạy về nghĩa trang T5 thuộc thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng thì dừng lại. Tại đây, K đã đưa chiếc xe vừa trộm được vào bên trong nghĩa trang để cất giấu. Khương mở cốp xe kiểm tra thì thấy trong cốp xe có 01 điện thoại di động Nokia loại cảm ứng và số tiền 400.000đ. Khương lấy chiếc điện thoại và số tiền 400.000đ cất vào túi rồi cất giấu chiếc xe trong bụi cây ở nghĩa trang để tránh bị phát hiện rồi điều khiển xe mô tô về nhà em trai Chiền nghỉ ngơi.

Sau đó, K dùng hết số tiền 400.000đ tiêu xài cá nhân một mình, còn chiếc điện thoại di động Khương giữ lại sử dụng. Đến khoảng 19 giờ tối ngày 22/6/2023, K cùng C thống nhất đi đến vị trí chỗ cất giấu chiếc xe mà cả hai lấy trộm được vào sáng ngày 22/6/2023 để lấy mang xuống nhà C tại Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai tìm người tiêu thụ. Sau khi đến nhà C, K cùng C tháo biển số chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, biển kiểm soát 49D1-504.10 ra và gắn biển số 49D1-683.89 vào nhằm mục đích tránh bị Cơ quan Công an phát hiện. Đến ngày 23/6/2023, C gọi điện thoại cho Phan Văn Đ để nhờ Đ kiếm chỗ bán xe mô tô không giấy tờ, nếu bán được thì sẽ cho Đ tiền công. Lúc này, Đ hỏi C lấy xe ở đâu thì C cho Đ biết chiếc xe lấy trộm ở L, Đ đồng ý và kiếm người mua chiếc xe trên. Đến khoảng 14 giờ chiều cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho C nói có người mua xe và nói C mang xe ra km125 tại thị trấn T, huyện T để bán xe thì C đồng ý lấy xe máy cùng K ra địa điểm bán xe. Khi đến địa điểm hẹn thì K gặp Lầu S. Tại đây, T3 biết chiếc xe trên do K và C trộm cắp mà có được, không có giấy tờ nhưng T3 vẫn mua với giá 3.500.000đ. Sau đó, K và C đưa cho Đ số tiền 300.000đ tiền công, số tiền còn lại K và C tiêu xài cá nhân hết. Mấy ngày sau, T3 nhặt được biển kiểm soát số 68E1-069.64 trên đường đi nên mang

về nhà rồi tháo biển kiểm soát 49D1-683.89 thay bằng biển kiểm soát số 68E1-069.64 để tránh bị công an phát hiện.

Đến ngày 25/6/2023, K và C tiếp tục liên hệ với Phan Văn Đ để nhờ Đ bán chiếc xe Honda Wave, đang được gắn biển số 49D1-504.10 mà K và C đã lấy trộm ngày 13/6/2023 tại xã T, huyện L và hứa sẽ trả tiền công cho Đ thì Đ đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 49D1-504.10 chở Đ đi bán xe thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ. Đến ngày 26/6/2023, Lầu S1 Tày điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, mang biển số 68E1-069.64 và 01 biển kiểm soát 49D1-683.89 đến cơ quan Công an giao nộp và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 49D1-683.89, màu trắng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Furture, màu xanh đen, mang biển số 49D1-504.10; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2.3, màu đen, màn hình bị vỡ; 01 biển số xe 68E1-079.64.

Ngày 27/6/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L có bản kết luận số 74/KLĐG kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 49D1-683.89, màu trắng có giá trị là 15.920.000đ.

Ngày 28/6/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L có bản kết luận số 75/KLĐG kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Furture, màu xanh đen, mang biển số 49D1-504.10; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2.3, màu đen, màn hình bị vỡ có giá trị là 17.648.000đ.

Về xử lý vật chứng: Ngày 05/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện L ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 49D1-683.89, màu trắng cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trịnh Thị L1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Furture, màu xanh xám, mang biển số 49D1-504.10; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2.3, màu đen, màn hình bị vỡ cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Vũ Mạnh C1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Vũ Mạnh C1 và bà Trịnh Thị L1 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 131/CT-VKS ngày 18/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố bị cáo Vũ Văn K, Nguyễn Văn v tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phan Văn Đ, Lầu S về tội: "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo Vũ Văn K, Nguyễn Văn C, Phan Văn Đ và Lầu S1 Tày không khiếu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn K, bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ, bị cáo Lầu S1 Tày phạm tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn K mức hình phạt từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lầu S1 Tày mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Vũ Văn K, bị cáo Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền 1.600.000đ; buộc bị cáo Phan Văn Đ phải nộp lại số tiền là 300.000đ. Tất cả sung vào công quỹ nhà nước.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: các bị cáo đều xác định đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra C3 huyện L, tỉnh Lâm Đồng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo Vũ Văn K, Nguyễn Văn C, Phan Văn Đ và Lầu S1 Tày đều là người trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, biết rất rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích tư lợi, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo K và bị cáo C đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản: vào ngày 13/06/2023 và ngày 22/6/2023, bị cáo K và C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 49D1-683.89, màu trắng của bà Trịnh Thị L1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Furture, màu xanh đen, mang biển số 49D1-504.10; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2.3, màu đen, số tiền 400.000đ của anh Vũ Mạnh C1.

Sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo K và bị cáo C liên hệ với bị cáo Đ nhờ tìm người tiêu thụ. Bị cáo Đ biết xe mô tô do bị cáo K và bị cáo C trộm cắp mà có nhưng vẫn có hành giúp bị cáo K và bị cáo C tìm người tiêu thụ.

Bị cáo T3 biết rõ xe mô tô do bị cáo K và bị cáo C trộm cắp mà có nhưng vẫn có hành vi mua để sử dụng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh tại địa phương.

Tại bản kết luận số 74/KLĐG kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 49D1-683.89, màu trắng có giá trị là 15.920.000đ.

Tại bản kết luận số 75/KLĐG kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Furture, màu xanh đen, mang biển số 49D1-504.10; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2.3, màu đen, màn hình bị vỡ có giá trị là 17.648.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo K và bị cáo C đã chiếm đoạt là 33.968.000đ.

Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Vũ Văn K và bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; bị cáo Phan Văn Đ và bị cáo Lầu S1 Tày phạm tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố bị cáo Vũ Văn K và Nguyễn Văn C khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phan Văn Đ và Lầu S1 Tày khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo K và bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ

luật Hình sự; bị cáo T3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng cho bị cáo T3 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo K và bị cáo C được thực hiện một cách liều lĩnh, bất chấp là hành vi nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội.

Xét vai trò của các bị cáo: Lần trộm cắp đầu tiên, bị cáo K là người phát hiện ra tài sản sơ hở và là người rủ rê bị cáo C lấy trộm tài sản. Cả hai lần phạm tội, bị cáo K đều là người trực tiếp lấy trộm tài sản; bị cáo C là người cảnh giới cho bị cáo K lấy trộm tài sản. Do vậy, bị cáo K phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo C là phù hợp.

Bị cáo Đ là người tìm người tiêu thụ tài sản và bị cáo T3 là người trực tiếp mua tài sản khi cả hai đều biết rõ đây là tài sản do trộm cắp mà có, đã tạo ra điều kiện thuận lợi để bị cáo K và bị cáo C tiêu thụ tài sản trộm cắp mà có. Như vậy, bị cáo Đ và bị cáo T3 có vai trò ngang nhau nên phải chịu mức hình phạt ngang nhau là phù hợp.

Xét cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173; khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều là người nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Vũ Mạnh C1 và bà Trịnh Thị L1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm; anh Vũ Mạnh C1 không có yêu cầu đối với số tiền bị cáo K đã trộm cắp là 400.000đ nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh không rõ biển kiểm soát mà C và K sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, bị cáo C và bị cáo K đã bán cho người khác, không rõ nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với biển kiểm soát số 68E1-069.64, bị cáo T3 đã nhặt được trên đường đi. Quá trình điều tra, xác định biển kiểm soát trên được cấp cho xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xanh trắng, chủ sở hữu là ông Danh G, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, qua xác minh thì ông Danh G hiện không có mặt tại địa phương, không biết ông G ở đâu

nên chưa tiến hành làm việc được nên chưa có căn cứ để xử lý. Vì vậy, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với số tiền 3.500.000đ, bị cáo T3 trả cho bị cáo K và bị cáo C khi mua xe máy Honda Wave gắn biển kiểm soát số 49D1 – 540.10. Sau đó, bị cáo K và bị cáo C đưa cho bị cáo Đ 300.000đ tiền công. Số tiền còn lại, bị cáo K và bị cáo C xác định cùng sử dụng chung số tiền là 3.200.000đ. Xét thấy, đây là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo K và bị cáo C, mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền là 1.600.000đ; buộc bị cáo Đ phải nộp lại số tiền là 300.000đ. Tất cả để sung vào công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn K, bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn Đ, bị cáo Lầu S1 Tày phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn K 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lầu S1 Tày 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tuyên: buộc bị cáo Vũ Văn K phải nộp lại số tiền là 1.600.000đ; buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp lại số tiền là 1.600.000đ và buộc bị cáo Phan Văn Đ phải nộp lại số tiền là 300.000đ. Tất cả để sung vào công quỹ Nhà nước.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo Vũ Văn K, Nguyễn Văn C, Phan Văn Đ và Lầu Sỳ T4, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh